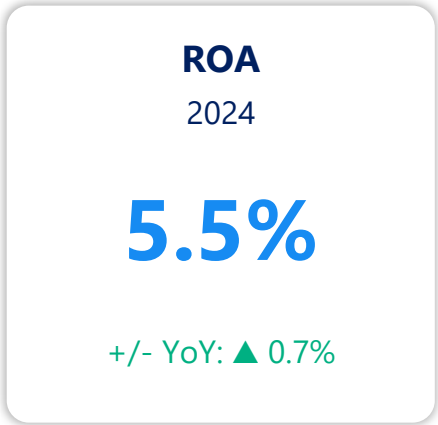
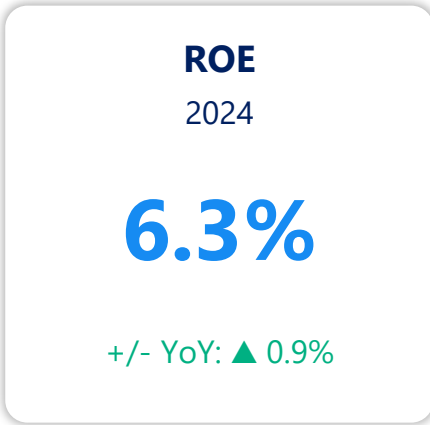
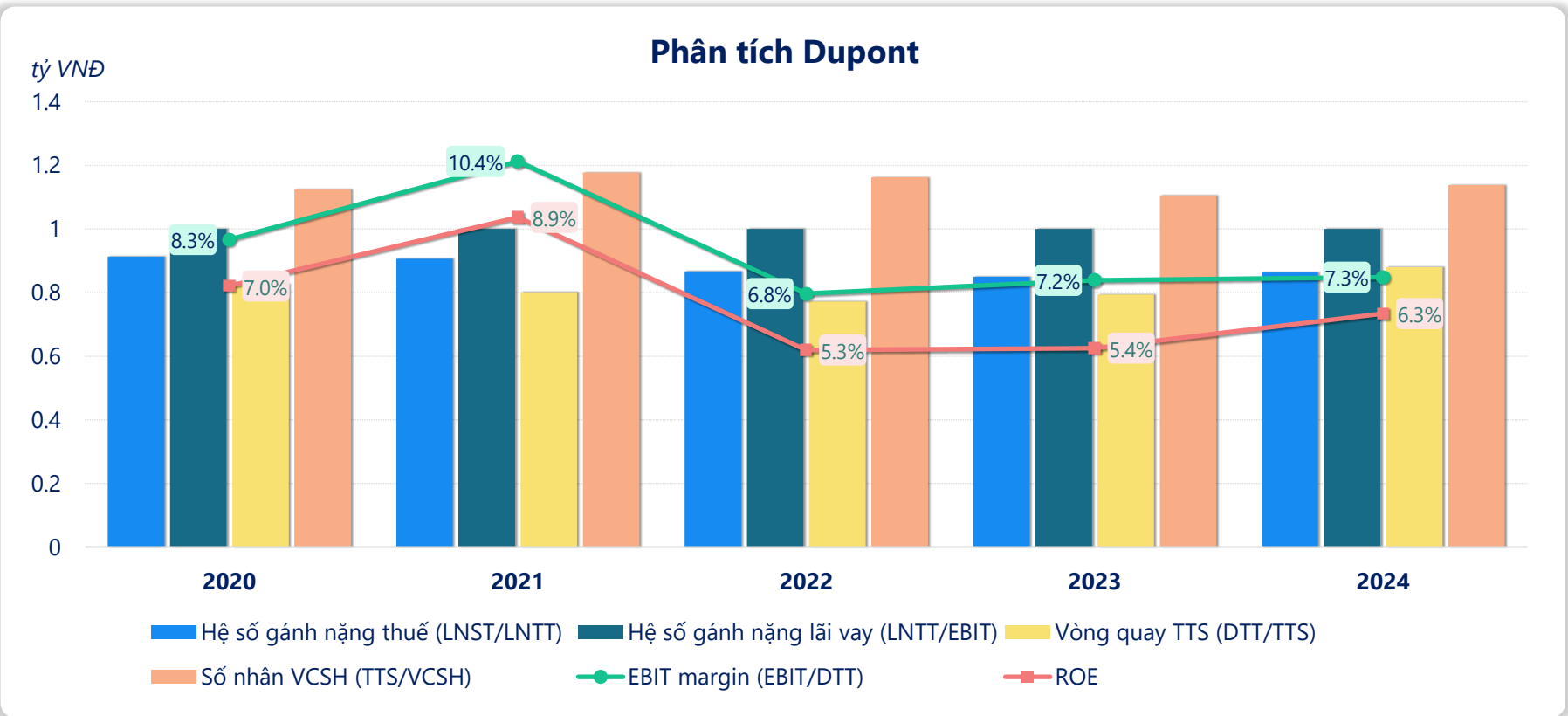
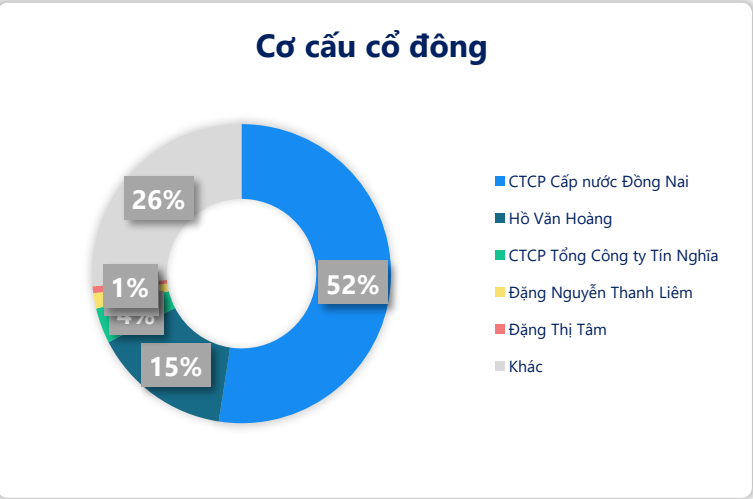


CTCP Cấp nước Nhơn Trạch (UPCOM: NTW)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

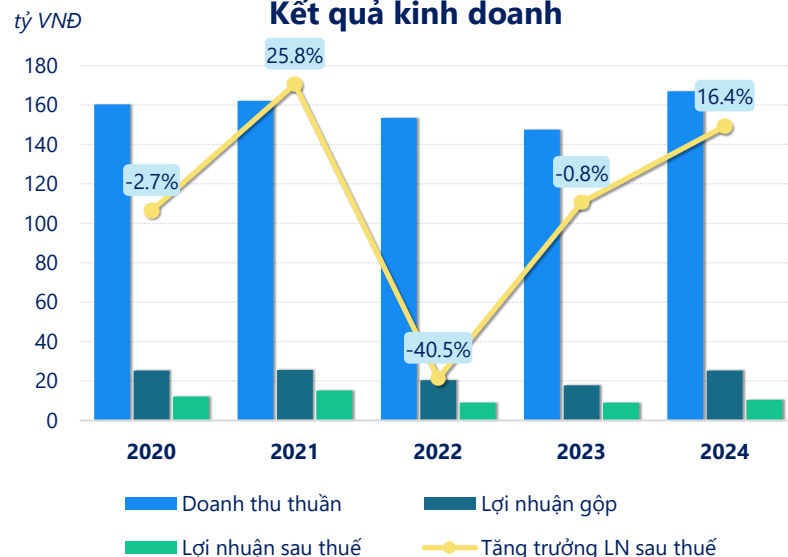
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		18,000
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		14,100 - 23,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		180
Số lượng CPLH (CP)		10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		800
Sở hữu nước ngoài		0.1%
Beta		(0.47)
EPS		
P/E		

	YTD	1T	3T	6T
NTW		-7.2%	5.9%	13.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



CTCP Cấp nước Nhơn Trạch (UPCOM: NTW)

Kết quả kinh doanh

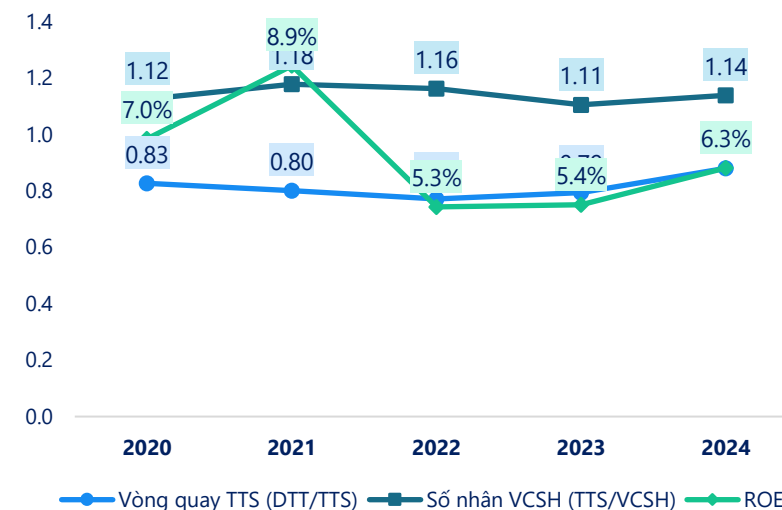


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **7.27%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.86**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

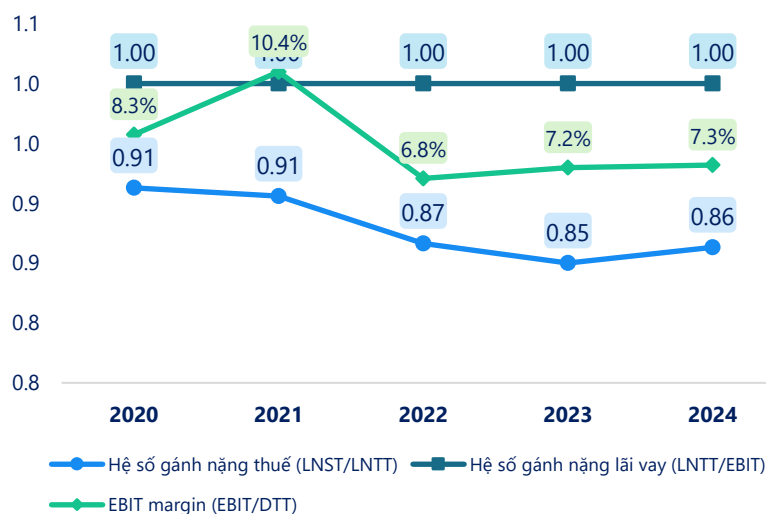
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2024**, **NTW** ghi nhận doanh thu thuần **167.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **10.49** tỷ đồng, lần lượt **tăng 13.2%** và **tăng 16.4%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **6.29%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

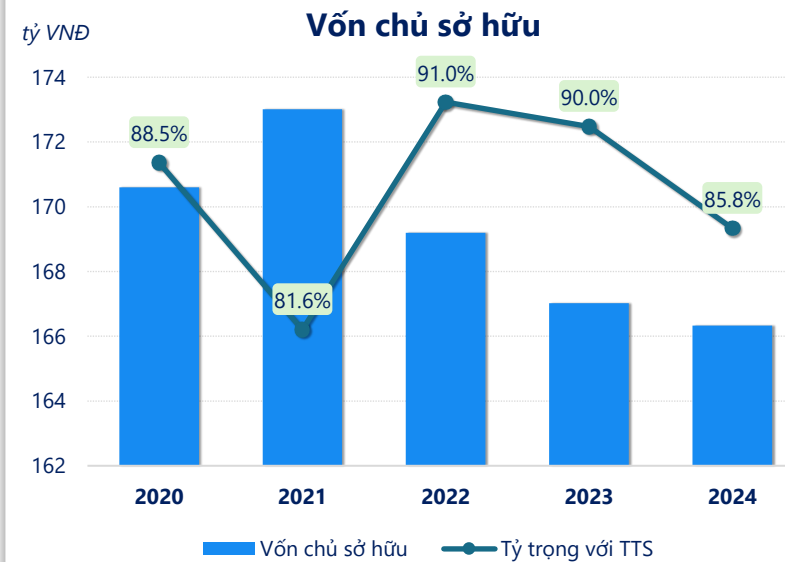
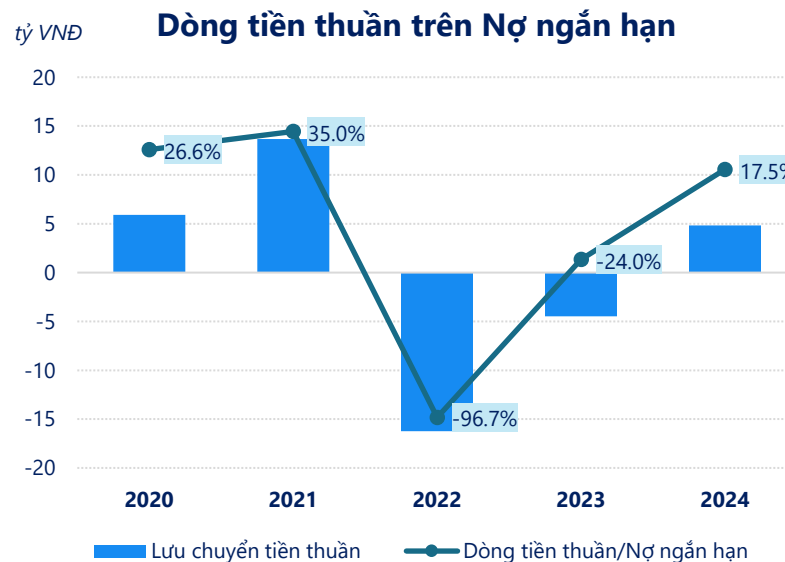
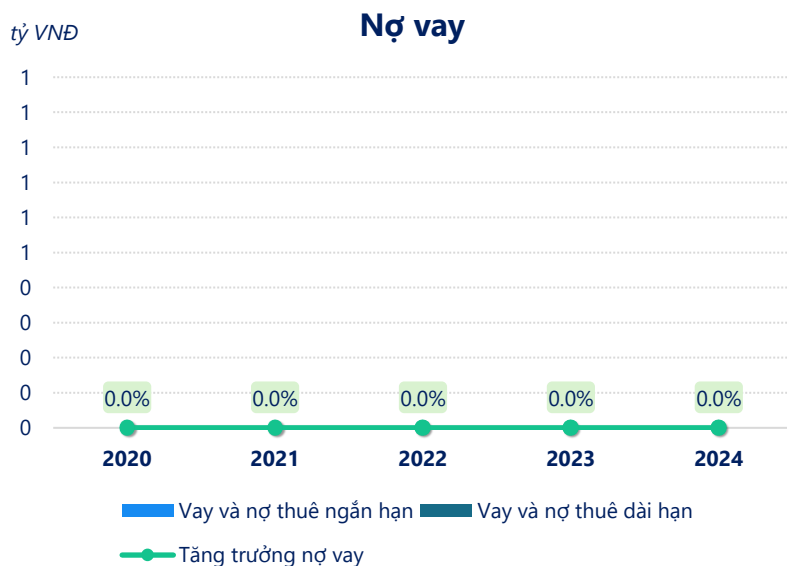
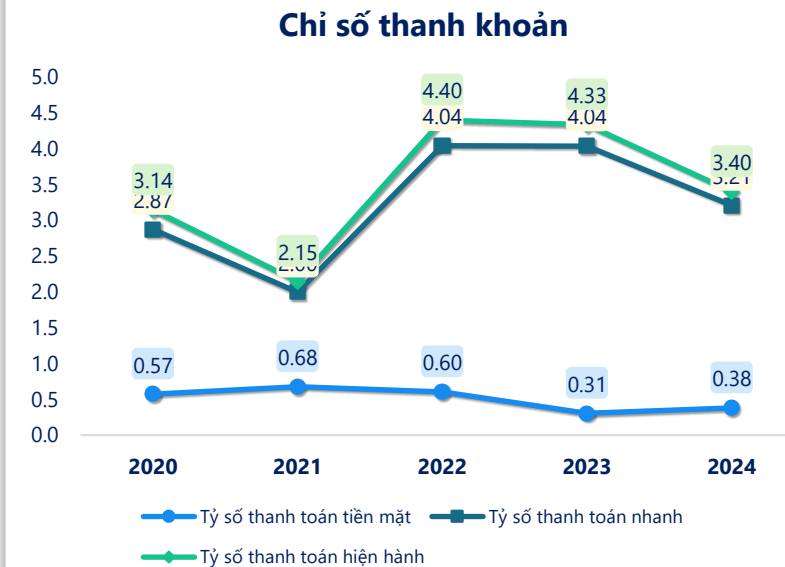
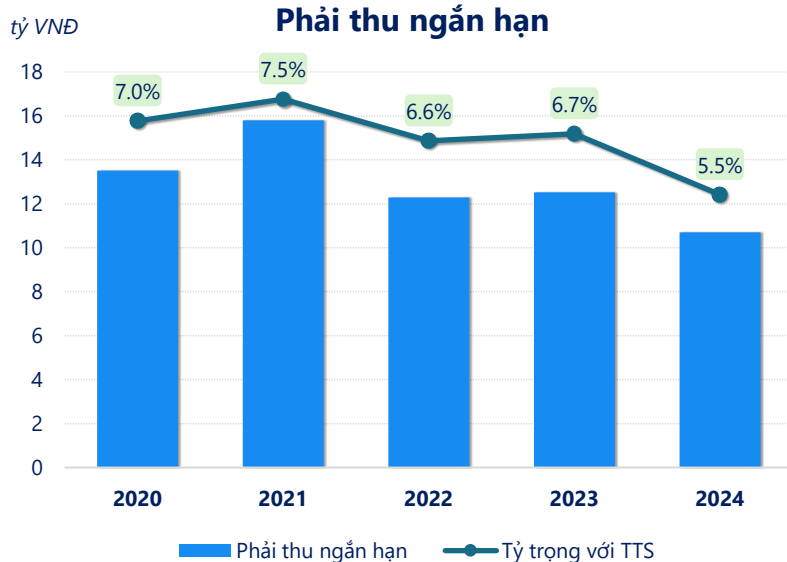


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.88**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.14** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Cấp nước Nhơn Trạch (UPCOM: NTW)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	194	186	4.5%
Tài sản ngắn hạn	93.7	80.6	16.2%
Tiền và tương đương tiền	10.5	5.69	84.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.5	55.0	20.9%
Phải thu ngắn hạn	10.7	12.5	-14.6%
Hàng tồn kho	5.26	5.53	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	1.89	-59.8%
Tài sản dài hạn	100	105	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	99.4	104	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.31	0.23	33.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.47	0.71	-33.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.6	18.6	48.2%
Nợ ngắn hạn	27.6	18.6	48.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	13.0	31.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	166	167	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	166	167	-0.4%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	160	162	154	148	167
Giá vốn hàng bán	135	137	133	130	142
Lợi nhuận gộp	25.2	25.5	20.5	17.8	25.3
Doanh thu HĐTC	2.95	1.97	2.36	3.98	2.51
Chi phí TC	5.10	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	4.47	4.03	3.78	4.69
Chi phí QLDN	10.0	9.73	8.51	7.21	11.2
LN thuần từ HĐKD	13.1	13.3	10.3	10.8	12.0
Lợi nhuận khác	0.24	3.54	0.21	-0.20	0.18
LN trước thuế	13.3	16.9	10.5	10.6	12.1
Lợi nhuận sau thuế	12.1	15.3	9.09	9.01	10.5
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	15.3	9.09	9.01	10.5

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.8	36.7	21.3	19.0	27.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.05	-11.1	-25.6	-13.4	-12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.8	-11.9	-12.0	-10.1	-10.1
Tiền đầu kỳ	6.81	12.7	26.4	10.1	5.69
Lưu chuyển tiền thuần	5.92	13.7	-16.2	-4.46	4.83
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.7	26.4	10.1	5.69	10.5